

Trảng Bàng, ngày 12 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Yến.

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 93/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 77/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trương Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ: khu phố L1, phường L2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố H1, phường H2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Ngô Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố H1, phường H2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bà Trương Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố H1, phường H2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án án giải quyết: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha mẹ nuôi là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948, chết năm 2014 và bà Trương Thị L, sinh năm 1950 đối với con nuôi là Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985, trú tại: khu phố H1, phường H2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu – bà Trương Thị L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn S (sinh năm 1948, chết năm 2014) không có con nên có nhận nuôi chị H (là con đẻ của vợ chồng em ruột bà L là bà Trương Thị N và em rể là ông Ngô Văn T). Vợ chồng bà nuôi dưỡng chị H từ năm 2000. Đến năm 2008 thì hai bên làm thủ tục cho và nhận con nuôi. Sau đó, vợ chồng bà làm thủ tục thay đổi họ cho chị H từ Ngô Thị Kim H thành Nguyễn Thị Kim H và thay đổi họ và tên cha, mẹ của chị H từ Ngô Văn T, Trương Thị N thành Nguyễn Văn S, Trương Thị L. Mục đích vợ chồng bà nhận chị H làm con nuôi để chăm sóc, nuôi dưỡng chị H, sau này chị H sẽ chăm sóc, phụng dưỡng vợ chồng bà lúc tuổi già. Sau khi có quyết định công nhận việc nuôi con nuôi, chị H vẫn tiếp tục sống chung nhà với vợ chồng bà, hai bên có quan hệ nuôi dưỡng như cha, mẹ, con với nhau. Đến năm 2014, ông S chết. Năm 2015, chị H đi lấy chồng thì vợ chồng chị H vẫn tiếp tục sống chung với bà. Năm 2016, chị H sinh con nên cuối năm 2016, vợ chồng chị H chuyển về sống chung với cha, mẹ đẻ là ông T, bà N cho đến năm 2017 thì vợ chồng chị H ly hôn. Sau khi ly hôn, chị H vẫn tiếp tục sống chung với cha, mẹ đẻ. Tháng 4/2022, bà bị ngã gãy xương sườn nên chị H quay về ở với bà. Đến tháng 6/2023, chị H lại quay về sống chung với cha, mẹ đẻ để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đẻ của chị H. Do chị H đã thành niên, vẫn khỏe mạnh bình thường và đã quay về sống chung với cha, mẹ đẻ nên nay bà yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà và ông Nguyễn Văn S với chị Nguyễn Thị Kim H để hai bên không còn ràng buộc về mặt pháp lý. Trong thời gian sống chung với vợ chồng bà, chị H không tạo lập được tài sản riêng gì cũng không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của vợ chồng bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Chị H thống nhất lời trình bày của bà L về việc vợ chồng bà L nhận chị làm con nuôi. Do điều kiện công việc và phải chăm sóc con nhỏ nên chị đã quay về sống chung với cha, mẹ đẻ. Nay chị không thể tiếp tục sống chung nhà với bà L để chăm sóc, phụng dưỡng bà L lúc tuổi già nên chị cũng đồng ý yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha, mẹ nuôi là ông Nguyễn Văn S, bà Trương Thị L với con nuôi là chị. Trong thời gian sống chung với cha, mẹ nuôi chị không tạo lập được tài sản riêng gì cũng không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi. Chị không có yêu cầu thay đổi họ của chị và họ tên cha, mẹ trên giấy khai sinh của chị trong vụ việc này nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trương Thị N và ông Ngô Văn T thống nhất trình bày:*

Ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà L về mối quan hệ nhân thân và về việc cho và nhận con nuôi giữa vợ chồng ông, bà với vợ chồng ông S, bà L.

Chị H đã thành niên và có khả năng lao động, hiện tại chị H cũng đã về sống với cha mẹ đẻ là ông, bà. Nay chị H cũng tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha, mẹ nuôi là ông Sơn, bà L với con nuôi là chị H do không có điều kiện sống chung và trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng bà L cũng như không muốn ràng buộc về mặt pháp lý. Vì vậy, nay ông, bà cũng đồng ý yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà L.

** Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết việc dân sự; người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết việc dân sự: căn cứ các điều 25, 26, 27 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự xem xét quyết định: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị L về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với con nuôi là chị Nguyễn Thị Kim H.

Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha, mẹ nuôi là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948 (chết năm 2014) và bà Trương Thị L, sinh năm 1950, địa chỉ nơi cư trú: khu phố L1, phường L2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh đối với con nuôi là chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985, địa chỉ nơi cư trú: khu phố H1, phường H2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh.

Về lệ phí: bà L được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: bà L yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với chị Nguyễn Thị Kim H nên đây là việc dân sự về “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L và chị H có nơi cư trú tại thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm 1 khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà L, chị H, ông T, bà N vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt bà L, chị H, ông T, bà N là phù hợp.

[3] Về nội dung yêu cầu: Xét yêu cầu của bà L, thấy rằng:

[3.1] Vợ chồng bà L, ông S (ông S sinh năm 1948, chết năm 2014, cha ông S tên Nguyễn Văn R, mẹ ông S tên Lê Thị G, cha mẹ ông S đều đã chết từ trước năm 1975) không có con nên có nhận chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985 là con đẻ của ông Ngô Văn T, sinh năm 1957 và bà Trương Thị N, sinh năm 1963, cùng trú tại khu phố H1, phường H2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh làm con nuôi. Việc nuôi con nuôi đã được sự đồng ý của bên cho làm con nuôi, bên nhận nuôi con nuôi và con nuôi. Căn cứ lời khai của các đương sự, Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi ngày 06/9/2008 và Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 03/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 của Ủy ban nhân dân xã L2 (nay là phường L2) nhận thấy, mục đích và thủ tục nhận nuôi con nuôi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nuôi con nuôi, phù hợp với quy định tại các điều 68, 69, 70, 71, 72, 74, 75 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên việc nhận con nuôi của bà L, ông S là hợp pháp. Sau khi làm thủ tục nhận nuôi con nuôi, ông S, bà L đã làm thủ tục thay đổi họ cho chị H từ Ngô Thị Kim H thành Nguyễn Thị Kim H và thay đổi họ tên cha, mẹ của chị H từ Ngô Văn T, Trương Thị N thành Nguyễn Văn S, Trương Thị L. Chị H chung sống với vợ chồng bà L cho đến năm 2016 thì chuyển về sống chung với cha, mẹ đẻ là ông T, bà N. Tháng 4/2022, bà L bị ngã gãy xương sườn nên chị H quay về ở với bà L. Đến tháng 6/2023, chị H lại quay về sống chung với cha, mẹ đẻ cho đến nay. Trong thời gian chung sống, hai bên có phát sinh các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ nuôi đối với con nuôi và con nuôi đối với cha, mẹ nuôi giống như quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con, hai bên không có mâu thuẫn gì gay gắt. Trong thời gian làm con nuôi, chị H không có tài sản riêng cũng không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của vợ chồng bà L.

[3.2] Lý do, mục đích của việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là do chị H đã thành niên, vẫn khỏe mạnh bình thường và đã quay về sống chung với cha, mẹ đẻ để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con ruột của chị H nên nay bà L yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị H để hai bên không còn ràng buộc về mặt pháp lý. Ngoài ra, con nuôi là chị Nguyễn Thị Kim H và cha, mẹ đẻ là ông Ngô Văn T, bà Trương Thị N cũng đồng ý và tự nguyện chấm dứt nuôi con nuôi. Do đó, yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Trương Thị L là có căn cứ chấp nhận theo các điều 25, 26, 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010 và Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngoài ra, bà L, chị H, ông Thanh, bà Nguyệt không còn yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí: bà Trương Thị L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền lệ phí nên bà L được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là có căn cứ nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 367, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 25, 26, 27 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị L về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị Nguyễn Thị Kim H.

Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha, mẹ nuôi là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948 (chết năm 2014) và bà Trương Thị L, sinh năm 1950, địa chỉ nơi cư trú: khu phố L1, phường L2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh đối với con nuôi là chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985, địa chỉ nơi cư trú: khu phố H1, phường H2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh.

Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ nuôi là bà Trương Thị L và con nuôi là chị Nguyễn Thị Kim H chấm dứt kể từ ngày Quyết định giải quyết việc dân sự về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ đẻ là ông Ngô Văn T, sinh năm 1957 và bà Trương Thị N, sinh năm 1963 và con đẻ là chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985 được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Trương Thị L được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Bà L, chị H, bà N, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

3.2. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu tập QĐ.

Phạm Thị Yến